

Bản án số: 34/2021/HSST

Ngày: 24 - 6- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Việt Long.

2. Ông Nguyễn Văn Chiu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ- tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2021/HSST ngày 21 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 6 năm 2021; đối với bị cáo:

Nguyễn Đình S, sinh năm 2000 tại huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị V; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2021 đến nay (hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Hải Dương). *Có mặt*

- Bị hại: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

Chị Phạm Thị B, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Cháu Phạm Xuân K, sinh ngày 06/3/2004; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu K: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/01/2021, sau khi xuất ngũ từ Trung đoàn 43 có địa chỉ tại xã Quảng Thành, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh về. Nguyễn Đình S đã mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s cũ tại quán "Khởi mobile" của anh Nguyễn Văn K ở thôn X, xã H, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng để sử dụng. Sau khi mua được điện thoại, S lắp sim số 0374.525.843 rồi vào các trang mạng xã hội, hội nhóm xem video. Trong các video S đã xem, S phát hiện có 01 video ghi lại hình ảnh quan hệ tình dục giữa 1 nam thanh niên tên là Nguyễn Văn N, sinh năm 1997 ở huyện Cẩm Giàng (là sỹ quan quân đội thuộc Trung đoàn 43 nơi S từng đóng quân) và 01 nữ giới. Thấy vậy, S tải về điện thoại của mình. Sau đó, S đăng nhập tài khoản facebook của S có tên "S xì po" rồi tìm tài khoản facebook của anh N với tên "Nguyễn Văn N" (do S kết bạn với N từ trước) để tìm hiểu người nữ giới quan hệ tình dục với anh N trong video. S xác định người phụ nữ trong đoạn video có facebook tên "Phạm Thùy D". Đến ngày 12/2/2021, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên S nảy sinh ý định sử dụng đoạn video quan hệ tình dục giữa chị D với anh N để đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản của chị D. S lập 1 tài khoản facebook khác tên "Nguyễn Phong" rồi qua phần mềm ứng dụng Messenger, S gửi cho chị D đoạn video và đe dọa chị D sẽ bán video đó cho người khác. Do sợ hình ảnh video của mình bị phát tán nên chị D thỏa thuận với S bán cho chị D đoạn video đó với giá 5.000.000 đồng và sẽ cho thêm S 1.000.000 đồng công đi lại. Chị D hẹn gặp S ở ngã tư Q, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương để chị D giao tiền cho S và trực tiếp xóa đoạn video, S đồng ý. Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 13/02/2021, S một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER GRAVITA, màu sơn đen đỏ, biển số 15B2-023.81 (xe của ông Nguyễn Đình C bỏ để S) đến ngã tư Q, xã N, huyện Tứ Kỳ gặp chị D, chị D yêu cầu S đưa điện thoại để trực tiếp xóa đoạn video. Sau đó, chị D giao cho S 6.000.000 đồng. Khi S đang cầm tiền trên tay thì bị chị D và một số người khác giữ lại. Chị D trình báo và Công an huyện Tứ Kỳ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S, thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, 01 xe mô tô YAMAHA, loại JUPITER GRAVITA, màu sơn đen đỏ, biển số 15B2-023 và số tiền 6.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 32/CT- VKSTK ngày 21 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Tứ Kỳ truy tố Nguyễn Đình S về tội: Cưỡng đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ là đúng, bị cáo xác định đã thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của chị Phạm Thị D ngày 13/02/2021 như đã nêu trên và đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Phạm Thị D xác định đã nhận được lại tài sản, không yêu cầu gì thêm; Về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt theo quy định đối với bị cáo.

Người làm chứng chị Phạm Thị B và cháu Phạm Xuân K có sự đại diện của chị Bùi Thị H là người giám hộ vắng mặt, có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ khai: Đến khoảng 19 giờ 15 phút ngày 13/02/2021, chị D và S gặp nhau tại ngã tư Quý Cao. Chúng tôi thấy S đưa cho chị D điện thoại để chị D xóa. Sau đó chị D đưa cho S 6.000.000 đồng loại tiền mệnh giá 500.000 đồng. S cầm tiền định về thì D giữ lại tiền và chúng tôi cùng giữ S và chị D trình báo Công an. Quá trình làm việc Công an huyện Tứ Kỳ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S, thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, 01 xe mô tô YAMAHA, loại JUPITER GRAVITA, màu sơn đen đỏ, biển số 15B2-023 và số tiền 6.000.000 đồng.

VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S từ 14 tháng tù đến 17 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 13/02/2021; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại di động Iphone 6s của S; tịch thu cho tiêu hủy đối với sim số 0374.525.843 của S; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, người làm chứng cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do có ý định cưỡng đoạt tài sản nên ngày 12/02/202 Nguyễn Đình S dùng điện thoại lập 1 tài khoản facebook khác tên "Nguyễn Phong" rồi qua phần mềm ứng dụng Messenger, S gửi cho chị D đoạn video chứa hình ảnh quan hệ tình cảm giữa chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn N và đe dọa chị D sẽ

bán video đó cho người khác. Nên chị D lo sợ video bị bán cho người khác và tung lên mạng xã hội nên đã đồng ý mua của S. Vào khoảng 19 giờ 15 phút ngày 13/02/2021, tại đường 391 thuộc khu vực thôn Q, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương khi chị D đưa cho S số tiền 6.000.000 đồng, thì bị chị D, chị B, anh K giữ lại và báo cơ quan Công an. Lực lượng Công an đã mời chị D và S về UBND xã N lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đe dọa uy hiếp tinh thần nếu chị D không đưa tiền thì sẽ bán đoạn video chứa hình ảnh quan hệ giữa chị D và anh N cho người khác và đưa lên mạng xã hội, nhằm chiếm đoạt tài sản của chị D là vi phạm pháp luật song vẫn cố ý thực hiện, tài sản bị cáo chiếm đoạt là 6.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối tài sản và nhân thân của người khác, được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng tới tình hình, trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân.

[5] Về nhân thân, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS;

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ đã trả số tiền 6.000.000 đồng cho chị D là đúng pháp luật. Đối xe mô tô YAMAHA, loại JUPITER GRAVITA, màu sơn đen đỏ, biển số 15B2-023 S dùng làm phương tiện phạm tội, việc S dùng xe mô tô để làm phương tiện phạm tội, ông C không biết, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ đã trả lại cho ông Nguyễn Đình C (bố đẻ S) là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp. Đối với di động nhãn hiệu Iphone 6s của S đây là công cụ phương tiện phạm

tội nên cần tịch nộp ngân sách Nhà nước; tịch thu cho tiêu hủy đối với sim số 0374.525.843 của Sỹ.

[10] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S 15 (mười lăm) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 13/02/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại di động Iphone 6s của Nguyễn Đình S; tịch thu cho tiêu hủy đối với sim số 0374.525.843 của Nguyễn Đình S (*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ ngày 24-5-2021*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đình S phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan T.H.A. HS - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Hồ sơ nghiệp vụ- Công an huyện Tứ Kỳ;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Tú

